TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34 /2019/DS - PT.
Ngày: 30 - 5 - 2019
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Sơn

Các Thẩm phán: Ông Vũ Tiến Bằng

Bà Phùng Thị Ái N

- Tký phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt – Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ: Bà Tôn Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2018/TLPT- DS ngày 28 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số:18/2018/DSST ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện K bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 26/2019/QĐXXPT - DS ngày 01 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. **N đơn:** Bà Trần Thị T - sinh năm 1956.

Địa chỉ: khu 5, xã L, huyện K, tỉnh Phú Thọ (có mặt)

+ Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Đức M, sinh năm 1949

Địa chỉ: Khu 9, xã L, huyện K, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

2. **Bị đơn:** Ông Đỗ Văn C- sinh năm 1958.

Địa chỉ: khu 4, xã L, huyện K, tỉnh Phú Thọ (có mặt)

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án**:

3.1.Ông Nguyễn Văn L- sinh năm 1944 (vắng mặt)

3.2. Bà Trần Thị H- sinh năm 1956 (vắng mặt)

3.3. Bà Trần Thị M- sinh năm 1931, do ông Trần Kim N- sinh năm 1959, đại diện theo ủy quyền (vắng mặt)

3.4. Ông Trần Văn T - sinh năm 1966 (vắng mặt)

Đều trú tại: khu 5, xã L, huyện K, tỉnh Phú Thọ

3.5. Ủy ban nhân dân xã L-huyện K- tỉnh Phú Thọ, do ông Hà Quang T- chức vụ phó chủ tịch UBND xã đại diện theo ủy quyền (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

3.6. Ủy ban nhân dân huyện K- tỉnh Phú Thọ- do ông Nguyễn Quốc T; Chức vụ:Trưởng phòng Tài N - Môi trường huyện K, đại diện theo ủy quyền (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

4. **Người làm chứng:**

4.1. Bà Trần Thị N- sinh năm 1971(vắng mặt)

4.2. Ông Trần Kim H- sinh năm 1960 (vắng mặt)

4.3. Bà Trần Thị H- sinh năm 1956 (vắng mặt)

Đều trú tại khu 5, xã L, huyện K, tỉnh Phú Thọ.

5. **Người kháng cáo**: Bà Trần Thị T - N đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện N đơn là bà Trần Thị T trình bày: Năm 1995 gia đình bà cùng bốn hộ gia đình là ông Hà Tiến Lái, Trần Văn Thư, Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị M, được UBND huyện Sông Thao (nay là huyện K) cấp 2,0 ha đất để trồng rừng sản xuất, sau khi có quyết định giao đất các gia đình trên vẫn canh tác sử dụng đất như cũ, gia đình bà trồng Sắn trên đất, đến năm 2003 bà chuyển sang trồng cây Bạch Đàn soắn, cụ thể số cây trồng bao nhiêu bà không nhớ nhưng bà chỉ biết nay còn lại 150 cây, vì điều kiện gia đình bà các con đi làm ăn xa nên bà không có thời gian đến thăm nom và chăm sóc cây. Đến năm 2017 bà phát hiện ông C đã chặt cây của gia đình và san lấp đất, bà có yêu cầu ông C pH trả cho bà 150 cây bạch đàn trị giá 10.000.000đ. Ngày 31/7/2018 bà có đơn yêu cầu bổ sung đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu ông C pH trả cho bà 680m2 đất và bồi thường 150 cây bạch đàn soắn trị giá 30.000.000đ.

Bị đơn là ông Đỗ Văn C trình bày: Ngày 10/01/2005 ông Nguyễn Văn L có bán cho ông một diện tích đất đồi rừng, hai bên có viết giấy tờ cho nhau với diện tích là 200m2, khi mua bán ông Nguyễn Văn L chỉ ranh giới đất cho ông bằng tay, không yêu cầu địa C xã L đo đạc gì (ông L chỉ cho ông ranh giới: từ bãi sạt lở đến búi tre của anh Trí đến giáp nhà bà Lái H - BL 37). Khi ông L giao cho ông bãi đất đó có khoảng 5 đến 10 gốc Bạch đàn trồi còn ngoài ra là bãi cây Tế, Chè vè, rậm không ai làm. Từ năm 2005 đến năm 2008 ông trồng Sắn trên đất nhưng bị sói lở thu hoạch không đáng kể. Năm 2009 ông thuê người san gạt bằng máy hết 13.000.000 đồng. Sau khi gạt thành đường ông trồng cây Ka Keo sen lẫn sắn, cùng năm 2009 ông được đoàn đo đạc đo

lại bãi đất trên ông sử dụng không có tranh chấp với ai. Năm 2017 thì bà T đến nói là đất ông đang sử dụng là đất của bà, khi đó bà không nói gì đến cây cối, và bà đã khởi kiện ông để đòi lại đất. Nay bà T yêu cầu ông pH trả 680m2 đất và bồi thường 150 cây bạch đàn trị giá 30.000.000đ thì ông không đồng ý vì, đất ông mua của ông L thì ông trả lại cho ông L, còn cây ông không chặt nên ông không bồi thường.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

* Ông Nguyễn Văn L trình bày: Năm 1995 gia đình ông cùng 4 hộ là ông Hà Tiến Lái (ông Lái là tổ trưởng, nay đã chết), ông Trần Văn Thư, bà Nguyễn Thị M, Ông Trần Văn Thịnh (chồng bà T - đã chết) được UBND huyện Sông Thao (nay là huyện K) giao tổng diện tích là 2,0 ha đất đồi rừng để trồng Sắn, giao tổng thể cho 05 hộ gia đình, sau khi có quyết định 05 hộ không ai chỉ ranh giới cho ai, ai đang làm ở vị trí nào thì tiếp tục làm ở vị trí đó, trước khi các hộ được nhà nước giao đất thì các cụ của xã đã trồng cây, sau đó giải tán không trồng cây nữa trả lại cho Hợp tác xã để chia cho xã viên trồng màu. Khi được giao đất thì các hộ đều trồng Sắn, sau đó ai trồng cây gì thì trồng, phần đất ông được giao trên giấy tờ là 4000 m2, nhưng thực tế không đo nên không biết đủ thiếu thế nào, sau khi gia đình ông được giao ông đã cho ông Khoa Tú, ông Nga Hoàng mượn để trồng Sắn, sau đó các ông không trồng nữa trả đất cho ông, ông tiếp tục trồng Sắn, sau đó ông lại tiếp tục trồng Bạch Đàn trắng đến năm 2005 ông chặt Bạch Đàn và bán đất cho ông C khoảng 200 m2 giáp mặt đường đi. Ông C tiếp tục canh tác, còn ông C trồng cây gì ông không biết. Bên dưới phần đất ông đã bán cho ông C là đất để rậm rạp, có trồi Bạch Đàn, ai trồng ông không rõ (hiện nay bà T nhận là của bà). Khi ông bán đất cho ông C, ông có chỉ ranh giới đất bằng cách áng khoảng, chứ không có đo đạc gì, ông C trồng cây gì, cải tạo đất như thế nào từ khi ông bán đất thì ông không biết. Nay bà T yêu cầu ông C trả đất ông không nhất trí vì đất đó là của ông, ông có quyền bán cho ông C. Mặc dù diện tích đất gia đình không đủ 0,4ha như trong biên bản giao đất nhưng ông cũng không có yêu cầu gì.Trước đây đất của gia đình ông đang làm từ đâu ông xin tiếp tục sử dụng từ đó không yêu cầu đo đạc lại. Ông cũng xuất trình các ý kiến của bà Trần Thị Nga, bà Trần Thị H, ông Trần Kim N, ông Trần Kim Hoàn đều xác định ông Lái sử dụng diện tích đất tranh chấp sau đó bán cho ông C (BL 84 đến 87).

***** Ông Trần Kim N, đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị M trình bày: Năm 1995 gia đình ông và 4 hộ gia đình khác là ông Hà Tiến Lái (chồng bà H- đã chết), Trần Văn Thư, Nguyễn Văn L, Ông Trần Văn Thịnh (chồng bà

T, đã chết), được nhà nước giao 2,0 ha đất rừng, mỗi gia đình được 0,4 ha tương đương 400 m2, sau khi được giao đất ông đã đổi đất cho bà T để L đất cho em gái là Trần Thị Nga làm nhà, từ đó ông không còn đất rừng nữa nên không rõ ai làm, việc ông L bán đất cho ông C ông không biết, đất đang tranh chấp giữa ông C bà T ông không biết của ai.

- Bà Trần Thị H (vợ ông Lái) trình bày: Việc giao đất đúng như bà M đã trình bày, gia đình bà sử dụng đất giáp hộ ông L, bà T (sát phía dưới đường), anh N (con bà M), đất hiện nay đang tranh chấp giữa bà T và ông C, thì trước đây bà thấy ông L làm, cây bạch đàn của ông L làm, còn ai trồng và trước thời điểm ông L làm thì ai sử dụng bà ông biết, bà không yêu cầu đo đạc lại đất từ trước bà vẫn sử dụng ổn định nếu có thiếu bà cũng không có ý kiến gì (BL 87).

- Ông Trần Văn Ttrình bày: Năm 1995 gia đình ông và 4 hộ gia đình khác là ông Nguyễn Văn L, Ông Trần Văn Thịnh (chồng bà T, đã chết), bà Trần Thị M, ông Hà Tiến Lái được nhà nước giao 2,0 ha đất rừng chung một quyết định, trưởng nhóm là ông Lái, mỗi gia đình được 0,4 ha tương đương 4.000 m2, nhưng thực tế không gia đình nào sử dụng đủ 04,ha, vì có rất nhiều người không có tên trong quyết định vẫn sử dụng, trước khi 5 gia đình được giao đất thì gia đình ông và các gia đình khác sử dụng đất để trồng sắn nên khi được giao thì ai sử dụng đâu vẫn sử dụng đấy không ai có tranh chấp, trồng sắn không có hiệu quả nên mọi người chuyển sang trồng cây bạch đàn. Đất của gia đình ông không gần với đất của bà T, ông L, nên không biết các gia đình khác sử dụng thế nào, nay bà T và ông C có tranh chấp đất rừng thì ông không biết đất đó là của ai. Ông không yêu cầu đo đạc lại đất từ trước ông vẫn sử dụng ổn định nếu có thiếu ông cũng không có ý kiến gì.

Đại diện UBND huyện K và UBND xã L trình bày: Năm 1994 ông Hà Tiến Lái, xóm 5, HTX Phú Lương đại diện cho 05 hộ dân là ông Hà Tiến Lái, ông Trần Văn Thư, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị M, ông Trần Văn Thịnh xã L, huyện Sông Thao có đơn xin nhận đất lâm nghiệp với diện tích 2,0 ha, trong đó rừng trồng diện tích 2,0 ha, loại cây Bạch đàn, địa điểm tại: Gò cao, xã L, huyện Sông Thao, thời gian xin nhận là 50 năm.

Ngày 05 tháng 11 năm 1995 UBND huyện Sông Thao (nay là UBND huyện K) ban hành Quyết định số 173/QĐ-UB về việc giao rừng và đất lâm nghiệp cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp. Giao cho ông Hà Tiến Lái (là tổ trưởng) địa chỉ xóm 5, HTX Phú Lương, xã L, diện tích 2,0 ha, địa điểm: Gò cao, xã L, thời hạn sử dụng 50 năm.(Quyết định giao cho

hộ gia đình nhận giao đất, nay UBND xã không lưu giữ) chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất.

Nay hộ bà Trần Thị T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất với ông Đỗ Văn C là người nhận chuyển nhượng đất rừng từ hộ ông L.

Sau khi Toà án nhân dân huyện K xét xử xong, trên cơ sở quy định của pháp luật. UBND xã L sẽ căn cứ vào bản án để thực hiện các nội dung liên quan.

Người làm chứng:

Ông Trần Kim Hoàn trình bày: Năm 1993, gia đình ông được HTX chia cho một khoảnh đất để trồng Sắn, sau đó gia đình ông bỏ không canh tác nữa, ông không biết ai làm, sau đó ông nghe được thông tin là ông Nguyễn Văn L làm, vì gia đình ông không sử dụng nên ông không biết ai làm đất từ đó đến nay. Việc tranh chấp đất rừng giữa bà T, ông C hiện nay ông không biết, không liên quan, ông không có yêu cầu gì. Đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt ông.

Bà Trần Thị Nga trình bày: năm 1991 bà xây dựng gia đình riêng do không có đất nên anh trai bà là Trần Kim N mẹ đẻ bà là Nguyễn Thị M đã đổi một phần đất rừng của gia đình cho bà T để L đất làm nhà, hiện nay bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/01/2014 diện tích 1.373,4m2 gia đình bà sử dụng ổn định không có tranh chấp gi. Sau khi đổi đất bà không biết bà T còn đất rừng nữa hay không. Diện tích đất giữa bà T và ông C đang có tranh chấp, thì từ năm 1991 khi bà về ở trên đất thì phía sau đất nhà bà giáp với đất rừng, bà thấy ông L trồng sắn, trồng sen cả bạch đàn, còn đất là của ai thì bà không biết, việc ông L bán đất cho ông C thế nào bà không biết.

+ Tại bản án dân sự sơ thẩm số 18/2018/DSST ngày 22/11 /2018 của TAND huyện K đã áp dụng: Căn cứ vào khoản 1 điều 203 Luật đất đai; khoản 1 điều 147; khoản 1 điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

+ Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị T, giữ N bản án sơ thẩm.

+ Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T yêu cầu ông Đỗ Văn C pH trả cho bà 537,3m2 đất và 150 cây bạch đàn soắn trị giá 30.000.000đ. ngoài ra bản án còn tuyên chi phí tố tụng, tuyên quyền kháng cáo.

+ Ngày 06/12/2018 bà T có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị thu hồi đất do ông C chiếm dụng và bồi thường cho bà 150 cây bạch đàn x 200.000đ/cay = 30.000.000đ.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến: Về tố tụng: người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tr- ớc thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án là không chấp nhận kháng cáo, giữ N án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về nội dung đơn kháng cáo của bà T: Đề nghị đề nghị thu hồi đất do ông C chiếm dụng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà T yêu cầu ông C trả lại cho bà 680m2 đất với lý do năm 1995 có 5 gia đình được UBND huyện K giao cho 2ha đất để trồng rừng, mỗi hộ là 0,4 ha, không giao cụ thể nhưng gia đình bà vẫn sử dụng diện tích đất cũ, trước khi có quyết định giao, gia đình bà trồng sắn, đến năm 2003 trồng bạch đàn, không nhớ trồng bao nhiêu cây, chỉ biết còn 150 cây, do điều kiện gia đình bà pH đi làm ăn xa, không trông nom chăm sóc được. Đến năm 2017 bà phát hiện ông C đã chặt cây, san lấp đất. Tuy bà có chỉ vị trí để vẽ sơ đồ nhưng bà không có cơ sở nào chứng minh mình đã sử dụng diện tích đất như bà đã chỉ và đo vẽ và yêu cầu đòi lại diện tích 680m2. Hồ sơ tại Ủy ban nhân dân xã không còn lưu giữ tài liệu nào ngoài quyết định giao đất cho 5 hộ mà ông L đại diện, trong bản đồ VN 2000 là do bà T tự kê khai với đoàn đo đạc, chứ Ủy ban nhân dân xã không chỉ vị trí sử dụng của các hộ (BL ... .) Ngày 19/3/2019 ông Hà Đức M xuất trình xác nhận của bà H thấy ông Thịnh, bà T canh tác…2005 ông L nhận của ông L, ngày 02/11/2019 bà H xác định lại việc giao đất trên giấy tờ chứ không đo đạc, chỉ ranh giới từ đâu đến đâu, gia đình bà sử dụng đất tiếp giáp hộ bà T, ông L, ông N, …đất hiện nay đang tranh chấp giữa ông C, bà T , trước đây tôi thấy ông L làm, sau đó thấy ông C làm, cây bạch đàn đỏ tôi thấy có trên đất ông L làm, nhưng không biết ai trồng, trước ông L tôi không biết ai làm đất….(BL 165), các hộ cũng thừa nhận không có việc giao đất cụ thể các hộ giáp danh, mà trình bày phần đất này do ông L canh tác. Tại lời khai ngày 20/112018 ông Trần Kim Hoàn trình bày năm 1993 ông được HTX chia cho diện tích đất, sau đó bỏ không canh tác, không biết ai làm, sau đó nghe nói

ông L làm …(BL 167). Bà còn đòi bồi thường 150 cây bạch đàn, nhưng bà cũng không xuất trình được chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu của mình là có 150 cây bạch đàn, cũng không ai biết bà có 150 cây bạch đàn. Còn ông L tại các buổi làm việc tại ủy ban xã, ông đều xác định diện tích này là của ông canh tác, có người giáp gianh xác nhận là bà Trần Thị H (vợ ông Lái) xác định thấy diện tích này ông L làm. Trên thực tế khu vực Gò Cao không chỉ có 5 hộ canh tác mà còn nhiều hộ khác cũng sử dụng đất ở khu Gò Cao. Năm 1991 Bà T còn có một diện tích đất tại khu Gò Cao đổi cho gia đình bà Trần Thị Nga, tuy nhiên không liên quan gì đến diện tích đất tranh chấp này.

Do thời gian đã lâu không chăm sóc, không có cơ sở nào để xác định được diện tích đất mà bà T đã canh tác, đã trồng cây, không có cơ sở nào xác định việc ông L đã chiếm đất của bà T rồi bán cho ông C và cũng không có căn cứ nào chứng minh ông C đã thu hoạch cây bạch đàn của bà.

Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/7/2018 thì Ủy ban nhân dân xã cũng xác định gianh giới do *bà T chỉ, vẽ sơ đồ tranh chấp chứ không pH Ủy ban xã xác định*, không chỉ vị trí sử dụng của các hộ (BL 71, 72,200..)

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên thì không có cơ sở pháp lý cũng như cơ sở thực tế để xem xét theo đơn khởi kiện của bà T được. Án sơ thẩm đã xem xét, L lời khai của các đương sự, của đại diện ủy ban nhân dân, của người làm chứng, không chấp nhận đơn khởi kiện của bà T là phù hợp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện cho bà T cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì mới nên không có cơ sở để xem xét.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ N án sơ thẩm là phù hợp với pháp luật.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà T kháng cáo không đ- ợc chấp nhận thì phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, tuy nhiên bà là người cao tuổi nên được miễn an phí là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào khoản 1 điều 203 Luật đất đai; khoản 1 điều 147; khoản 1 điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

+ Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị T, giữ N bản án sơ thẩm.

+ Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T yêu cầu ông Đỗ Văn C pH trả cho bà 537,3m2 đất và 150 cây bạch đàn soắn trị giá 30.000.000đ.

+ Miễn án phí phúc thẩm cho Bà Trần Thị T .

+ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

+ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh;
- TAND huyện K.
- THADS huyện K.
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ + VP;
- Lưu: án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Trường Sơn